TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 20-01-2021
V/v "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Kim D; địa chỉ: 31B đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn*: Bà Hồ Thị Kim C; địa chỉ: 2/2 đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Kim D trình bày*:

Bà cho bà Hồ Thị Kim C vay tiền 3 lần, tổng cộng là 190.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 là 50.000.000 đồng, lần 2 là 100.000.000 đồng, lần 3 là 40.000.000 đồng. Mỗi lần vay tiền, bà C đều ghi nhận trong các "*Giấy mượn tiền*" có chữ ký của bà C đề ngày 19-10-2015, ngày 25-01-2016 và ngày 14-10-2016.

Hai lần vay tiền đầu tiên, tuy chưa trả tiền nợ gốc nhưng hàng tháng bà C đều trả tiền lãi trên số nợ gốc (lãi suất 1,5%/tháng) cho bà. Do đó, tới lần vay tiền

thứ 3, mặc dù bà C chưa trả tiền nợ gốc nhưng bà tiếp tục tin tưởng cho bà C vay tiền. Tuy nhiên, từ thời điểm bà C nhận tiền vay lần thứ ba tới nay, bà C mới chỉ trả cho bà 10.000.000 đồng vào ngày 18-7-2018. Mặc dù bà đã liên hệ nhiều lần để hỏi về việc trả nợ, bà C vẫn không thực hiện việc trả nợ gốc và tiền lãi cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị Kim C phải trả cho bà 180.000.000 đồng nợ gốc và phải trả số tiền lãi trên nợ gốc do chậm trả tiền với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 18-7-2018 đến nay.

2. *Bị đơn là bà Hồ Thị Kim C trình bày*:

Ngày 19-10-2015, bà vay của bà Đỗ Thị Kim D 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, mỗi tháng bà trả cho bà D 2.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 19-10-2015 đến ngày 18-7-2018 là 35 tháng, tổng cộng bà đã trả cho bà D 70.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 25-01-2016, bà vay của bà Đỗ Thị Kim D 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, mỗi tháng bà trả cho bà D 4.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 25-01-2016 đến ngày 18-7-2018 là 30 tháng, tổng cộng bà đã trả cho bà D 120.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 14-10-2016, bà vay của bà Đỗ Thị Kim D 40.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng bà trả cho bà D 2.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 14-10-2016 đến ngày 18-7-2018 là 23 tháng, tổng cộng bà đã trả cho bà D 46.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, tính đến ngày 18-7-2018, bà đã trả cho bà D tổng cộng 236.000.000 đồng tiền lãi. Khi trả tiền lãi, bà D nhận tiền tại nhà của bà và giữa hai bên không có viết giấy giao nhận tiền lãi.

Ngày 18-7-2018, bà trả cho bà D 10.000.000 đồng nợ gốc.

Từ tháng 9-2018 đến tháng 12-2019, do công việc làm ăn không thuận lợi, sức khỏe không tốt nên bà chỉ trả được cho bà D 26.500.000 đồng tiền lãi.

Bà đã chuyển khoản cho bà D 8.000.000 đồng, cụ thể: 3.000.000 đồng vào ngày 04-01-2020, 2.000.000 đồng vào ngày 22-01-2020, 1.000.000 đồng vào ngày 22-7-2020, 1.000.000 đồng vào ngày 18-8-2020 và 1.000.000 đồng ngày 18-9-2020.

Tổng cộng bà đã trả cho bà D 270.500.000 đồng tiền lãi (gồm: 236.000.000 đồng + 26.500.000 đồng + 8.000.000 đồng).

Mỗi lần trả tiền cho bà D, bà D không viết giấy nhận tiền cho bà, bà chỉ tự ghi vào sổ để theo dõi số tiền mà bà đã trả cho bà D.

Tính đến nay, bà còn nợ bà D 180.000.000 đồng nợ gốc. Hiện nay, kinh tế đang khó khăn nên bà đề nghị bà D chấp nhận cho bà trả tiền gốc và tiền lãi theo phương án như sau:

Từ ngày 20-01-2021 đến ngày 24-11-2021, hàng tháng bà sẽ trả tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng nợ gốc với lãi suất là 0,83%/tháng.

Đối với 180.000.000 đồng nợ gốc, bà sẽ trả cho bà D trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày 25-11-2021.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đỗ Thị Kim D khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn là bà Hồ Thị Kim C, bà Hồ Thị Kim C có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về nội dung vụ án:

- Ngày 19-10-2015, bà Hồ Thị Kim C vay của bà Đỗ Thị Kim D 50.000.000 đồng với thời hạn vay là 3 tháng, kể từ ngày vay.

- Ngày 25-01-2016, bà C vay của bà D 100.000.000 đồng với thời hạn vay là 3 tháng, kể từ ngày vay.

- Ngày 14-10-2016, bà C vay của bà D 40.000.000 đồng với thời hạn vay là 3 tháng, kể từ ngày vay.

Tổng cộng, bà C vay của bà D 190.000.000 đồng.

Bà D đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà C chỉ trả được 10.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 18-7-2018.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà D giao nộp chứng cứ là bản chính của 3 "*Giấy mượn tiền*" ngày 19-10-2015, ngày 25-01-2016 và ngày 14-10-2016.

Do bên vay không tự nguyện trả nợ, nên bà D yêu cầu Tòa án xử buộc bà C phải trả cho bà D 180.000.000 đồng nợ gốc và phải trả số tiền lãi trên nợ gốc do chậm trả tiền với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 18-7-2018 đến nay.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa bà D và bà C được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà D khởi kiện là có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ buộc bà C phải trả cho bà D 180.000.000 đồng nợ gốc.

Về tiền lãi:

Bà D trình bày rằng: Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 19-10-2015 và khoản vay 100.000.000 đồng ngày 25-01-2016, hàng tháng bà C đều trả tiền lãi trên số nợ gốc với lãi suất 1,5%/tháng cho bà. Do đó, bà tiếp tục tin tưởng cho bà C vay 40.000.000 đồng ngày 14-10-2016. Ngày 18-7-2018, bà C mới chỉ trả cho bà 10.000.000 đồng nợ gốc. Do bà C vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, nên bà D yêu

cầu bà C phải trả tiền lãi của 180.000.000 đồng với lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 18-7-2018 đến ngày 20-01-2021.

Tại 3 giấy mượn tiền đều không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận lãi suất hay không. Quá trình tham gia tố tụng, bà D trình bày rằng lãi suất do hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, bà C lại trình bày rằng mỗi tháng bà phải trả tiền lãi cho bà D với lãi suất từ 4% đến 5%.

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Vì vậy, bà D yêu cầu bà C phải trả tiền lãi của 180.000.000 đồng với mức lãi là 0,83%/tháng tính từ ngày 18-7-2018 đến ngày 20-01-2021 là thỏa đáng và được chấp nhận.

Số tiền lãi mà bà C phải trả cho bà D được tính như sau:

Khoảng thời gian phải trả lãi từ ngày 18-7-2018 đến ngày 20-01-2021 là 913 ngày; lãi suất là 0,83%/30 ngày. Tiền lãi phải trả là:

180.000.000 đồng x 0,83%/30 ngày x 913 ngày = 45.467.400 đồng.

Bà C khai bà đã trả cho bà D 270.500.000 đồng tiền lãi. Mỗi lần trả tiền lãi cho bà D, bà D không viết giấy nhận tiền cho bà, bà chỉ tự ghi vào sổ để theo dõi số tiền lãi mà bà đã trả cho bà D nên bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc bà đã trả cho bà D 270.500.000 đồng tiền lãi.

Bà D thừa nhận đã nhận tiền lãi do bà C trả với lãi suất 1,5%/tháng của 190.000.000 đồng nợ gốc từ ngày vay cho đến ngày 18-7-2018 và 8.000.000 đồng tiền lãi mà bà C đã chuyển tiền vào tài khoản của bà trong năm 2020.

Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định lời khai của bà C là đúng sự thật.

Từ ngày 18-7-2018 cho đến nay, bà D đã nhận của bà C 8.000.000 đồng tiền lãi nên bà C còn phải trả cho bà D 37.467.400 đồng tiền lãi.

Như vậy, tổng số nợ gốc và tiền lãi mà bà C phải trả cho bà D là:

180.000.000 đồng + 37.467.400 đồng = 217.467.400 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim D.

Buộc bà Hồ Thị Kim C phải trả cho bà Đỗ Thị Kim D 217.467.400 đồng (*trong đó có 180.000.000 đồng nợ gốc và 37.467.400 đồng tiền lãi*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hồ Thị Kim C phải chịu 10.873.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Kim D 5.775.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005521 ngày 07-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 20-01-2021.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền